TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN **HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 26/9/2019.
Về việc: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ
***Các Hội thẩm nhân dân*:**
1. Ông Lê Chánh Ngôn;
2. Ông Dương Hồng Vinh;

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Thế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST – DS ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST – DS ngay 05/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị T.T - sinh năm: 1977 (có mặt)
Ông Phạm N.D – sinh năm 1975(có mặt)
Cùng địa chỉ: số nhà 49, thôn H.P , xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn T.N - sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: thôn H.P , xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận;
Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
Ông Hà V.T1 – sinh năm 1972 (có mặt)
Ông Hà V.T2 – sinh năm 1995 (có mặt)
Cùng địa chỉ: thôn H.P , xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D trình bày: ông bà có cho bà Nguyễn T.N mượn tiền từ năm 2014 đến năm 2018 nhưng bà N

không trả tiền nên ông bà khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T.N trả cho vợ chồng bà số tiền 472.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng).. Khi cho mượn tiền thì giữa bà T và bà N cũng có lập giấy xác nợ (lập 3 tờ, 1 tờ là số tiền 172.000.000 đồng, 1 tờ là số tiền 100.000.000 đồng, 1 tờ là số tiền 200.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của bà N). Cụ thể như sau:

+ Ngày 27/8/2018, giữa bà T và bà N có lập một giấy vay tiền nội dung là bà N có nợ bà T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), có chữ ký và ghi họ tên Nguyễn T.N xác nhận nợ trong giấy.

+ Cũng trong ngày đó (cụ thể là ngày27/8/2018) thì giữa bà T và bà N và con trai bà N là Hà V.T2 có lập một giấy thế chấp nội dung là mẹ con bà Nguyễn T.N , Hà V.T2 có thế chấp cho ông Phạm N.D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà V.T1 là chồng của bà N với thửa đất số 58 tờ bản đồ số 94, diện tích là 249,7 m^2 để mượn số tiền là 172.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng) để trả nợ cho ông Nguyễn Văn Q.

+ Vào ngày 05-4-2018 giữa bà T và bà N thống nhất có lập một biên bản mượn tiền với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), có chữ ký xác nhận của bà N và bà N có ghi vào nội dung có mượn của bé T số tiền một trăm triệu đồng.

Tại Phiên tòa bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D yêu cầu bà Nguyễn T.N có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn T.N và anh Hà V.T2 phải trả cho ông bà số tiền 172.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D thống nhất không tính lãi đối với toàn bộ số tiền trên.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hà V.T1 mà ông bà đang giữ, ông bà thừa nhận rằng khi vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không hề có mặt cũng như không có sự đồng ý của ông T1. Ông bà sẽ trả lại cho ông T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này khi bà N trả hết tiền nợ cho ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn là bà Nguyễn T.N trình bày: Bà có vay tiền vợ chồng bà T , ông D , sau đó bà có bán thanh long giá rẻ cho vợ chồng bà T , ông D kéo dài từ năm 2014 đến năm 2017. Số tiền bà có nợ bà T , ông D thì sau này giữa bà và bà T có lập 03 tờ giấy xác nhận nợ:

Lần 1: Giữa bà và bà Nguyễn Thị T.T có lập một biên bản mượn tiền với số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Việc vay mượn ngày nào thì bà không còn nhớ, bà chỉ nhớ có ký vào giấy mượn tiền. Nhưng khi đó bà T chỉ đưa số tiền 60.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng thì hẹn 3 ngày N a lên nhà bà T thì bà T

sẽ đưa. Nhưng khi bà lên thì bà T nói chưa có. Vì vậy đối với giấy mượn tiền này thì bà chấp nhận trả số tiền 60.000.000 đồng.

Lần 2: Giữa bà và bà Nguyễn Thị T.T có lập 01 giấy vay tiền với số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) vào ngày 27/8/2018, bà có ký vào giấy vay tiền. Thực chất của giấy vay tiền này là tiền trước đây vợ chồng bà T , ông D cho bà mượn rất nhiều lần, mỗi lần số tiền khoảng 5, hay 10 triệu rồi sau đó cắt thanh long của bà trừ nợ dần. Bà thừa nhận cũng mượn tiền vợ chồng bà T , ông D nhiều lần, nhưng bà nghĩ bán thanh long cho vợ chồng bà T , ông D cũng đã trả được phần nhiều tiền nợ và tiền lãi rồi. Số tiền nợ còn lại thì bà không nhớ rõ bao nhiêu do mỗi lần vay mượn thì giữa hai bên không lập giấy tờ gì, và việc bán thanh long trừ nợ giữa bà và bà T thì bà cũng không theo dõi cụ thể ngày tháng năm nào cũng như không có giấy tờ gì lưu lại việc đó vì nghĩ tình cảm chị em. Vì lý do đó mà vào ngày 27/8/2018 bà T bắt buộc bà ký vào giấy vay tiền với số tiền 200.000.000 đồng. Nay bà không đồng ý trả số tiền này vì bà đã trả trước đây nhiều lần rồi từ năm 2014 đến năm 2018 từ việc vợ chồng bà T mua thanh long của bà nhưng không đưa tiền và nói cấn trừ nợ.

Lần 3: Cũng vào ngày 27/8/2018 thì bà cùng với con trai bà là Hà V.T2 tới nhà bà T để cùng ký vào giấy thế chấp nội dung là mẹ con bà có thế chấp cho ông Phạm N.D 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hà V.T1 là chồng của bà với thửa đất số 58 tờ bản đồ số 94, diện tích là 249,7 m^2 với số tiền là 172.000.000 đồng. Thực chất của việc ký giấy thế chấp này là để vay tiền trả nợ cho ông Nguyễn Văn Q là 172.000.000 đồng. Đối với số tiền này thì bà chấp nhận cùng với con trai là Hà V.T2 trả số tiền 172.000.000 đồng cho bà T , ông D .

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Hà V.T1 mà vợ chồng bà T , ông D đang giữ, bà yêu cầu bà T , ông D phải trả lại cho ông Hà V.T1 vì đây là tài sản riêng của ông T1. Ông T1 không hề hay biết gì và cũng không hề đồng ý cho bà mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi thế chấp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hà V.T2 trình bày: anh là con trai ruột của bà Nguyễn T.N và ông Hà V.T1. Việc bà N có mượn tiền của vợ chồng bà T , ông D thì anh không biết gì. Chỉ sau này mẹ anh có kêu anh đi xác nhận nợ với bà T số tiền 172.000.000 đồng, anh và mẹ anh có ký vào giấy xác nhận nợ. Còn đối với số tiền 172.000.000 đồng mẹ anh sử dụng vào việc gì anh không biết. Sau này anh nghe bà N kể lại việc vợ chồng bà T , ông D đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ba anh là ông T1 nên anh mới biết. Hiện nay anh đồng ý cùng với bà Nguyễn T.N trả số tiền 172.000.000 đồng cho bà T , ông D . Ngoài ra anh yêu cầu vợ chồng bà T và ông D phải trả lại cho ba anh là ông Hà V.T1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản

khác găn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017 vì đây là tài sản riêng của ba anh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà V.T1 trình bày: trước đây ông với bà Nguyễn T.N là vợ chồng hợp pháp, đã ly hôn vào ngày 27/11/2018. Ông không biết việc bà N vay tiền của bà T và ông D . Việc bà N vay mượn tiền của vợ chồng bà T , ông D và có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông thì ông không biết gì. Chỉ đến đầu năm 2019 thì khi ông D điện thoại cho ông nói là đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông do vợ con ông thế chấp thì ông mới biết. Nay ông yêu cầu vợ chồng bà T và ông D phải trả lại cho ông chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017 vì đây là tài sản của ông, do ông nhận thừa kế lại khi cha ông mất, mẹ ông và các anh chị em trong gia đình ông thỏa thuận đồng ý để lại cho ông đứng tên và xem như là nhà tự.

Vụ án đã được hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

Buộc bà Nguyễn T.N phải trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 300.000.000 đồng

Buộc bà Nguyễn T.N và anh Hà V.T2 phải trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 172.000.000 đồng

Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Hà V.T1, Buộc bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D trả lại cho ông Hà V.T1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: căn cứ theo yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn T.N phải trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền đã vay. Từ đó có đủ căn cứ để xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015. Bị đơn bà Nguyễn T.N cư trú tại thôn H.P , xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, căn cứ theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về yêu cầu khởi kiện: Trong đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam buộc bà Nguyễn T.N phải trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 472.000.000 đồng (Bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Tại Phiên tòa bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D yêu cầu bà Nguyễn T.N có trách nhiệm trả cho ông bà số tiền 300.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà Nguyễn T.N và anh Hà V.T2 phải trả cho ông bà số tiền 172.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D thống nhất không tính lãi đối với toàn bộ số tiền trên.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D đã giao nộp cho Tòa án 04 giấy vay tiền, bao gồm: "Biên bảng mượn tiền" ngày 5/4/2018; "Giấy vay tiền" ngày 27/8/2018; và 02 "Giấy thế chấp" ngày 27/8/2018.

[2.1] Đối với khoản tiền vay ngày 05/4/2018, có nội dung : "Tôi tên Nguyễn T.N có mượn của bé T số tiền là . một trăm triệu đồng", bà N xác nhận giữa bà và bà T có lập biên bản mượn tiền, chính tay bà viết vào giấy nợ, nhưng khi đó bà T chỉ đưa số tiền 60.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng bà vẫn chưa nhận được, nên bà chỉ chấp nhận trả số tiền 60.000.000 đồng này. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà N không đưa ra được bất kì tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của mình. Do đó hội đồng xét xử nhận định bà Nguyễn T.N có vay tiền và vẫn còn nợ bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 100.000.000 đồng.

[2.2] Đối với khoản tiền vay 200.000.000 đồng qua "Giấy vay tiền" ngày 27/8/2018, bà N xác nhận có ký vào giấy vay tiền, thực chất là cộng dồn nhiều lần mượn tiền trước đó. Tuy nhiên bà N không chấp nhận trả số tiền này vì bà cho rằng vợ chồng bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D đã cắt thanh long của bà và trả được phần nhiều tiền nợ và tiền lãi. Tuy nhiên bà N cũng thừa nhận rằng không

nhớ rõ số tiền nợ còn lại là bao nhiêu, đồng thời cũng không theo dõi cụ thể thời gian và số tiền cũng như không có giấy tờ gì lưu lại việc bán thanh long trừ nợ dần cho bà T và ông D . Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà N không đưa ra được bất kì tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho trình bày của mình. Do đó Hội đồng xét xử nhận định Nguyễn T.N có vay tiền và vẫn còn nợ bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 200.000.000 đồng.

Do đó, việc bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D yêu cầu bà Nguyễn T.N phải trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Đối với khoản tiền vay 172.000.000 đồng tại 02 "giấy thế chấp" ngày 27/8/2018, bà N xác nhận bà cũng với con trai là Hà V.T2 cùng ký vào. Bà N và anh Hà V.T2 thừa nhận và chấp nhận cùng trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 172.000.000 đồng tại khoản vay trên. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D cũng đồng ý chấp nhận việc anh Hà V.T2 cùng với bà Nguyễn T.N trả số tiền 172.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[3] Về yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

[3.1] Tại "Giấy vay tiền" ngày 27/8/2018, bà Nguyễn T.N có thế chấp cho bà Nguyễn Thị T.T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017.

[3.2] Tại "Giấy thế chấp" ngày 27/8/2019, bà Nguyễn T.N và con trai là Hà V.T2 có thế chấp cho bà Nguyễn Thị T.T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017.

[3.3] Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bà Nguyễn T.N , ông Hà V.T1, anh Hà V.T2 đều thừa nhận: giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017 là tài sản riêng của ông Hà V.T1, do ông T1 nhận thừa kế khi cha ruột ông mất, mẹ ruột và các anh chị em trong gia đình ông thỏa thuận đồng ý để lại cho ông đứng tên và xem như là nhà tự, hơn N a việc bà Nguyễn T.N vay tiền cùng với thế chấp bằng giấychứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác găn liền với đất ông T1 không hề hay biết và không đồng ý. Mặt khác, chính bà T cũng thừa nhận khi bà N đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thế chấp cho bà cũng không có sự có mặt và cũng như không có sự đồng ý của ông Hà V.T1. Từ đó có đủ căn cứ kết luận, việc thế chấp giữa các bên là trái với quy định của pháp luật về thế chấp tài sản, trực tiếp xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người khác là ông Hà V.T1.

Do đó việc ông Hà V.T1 yêu cầu bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017 là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D được chấp nhận nên cần buộc bà Nguyễn T.N cùng với anh Hà V.T2 chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144 và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 317, 357, Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự

- Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D .

Buộc bà Nguyễn T.N phải trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 300.000.000 đồng.

Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự: buộc bà Nguyễn T.N và anh Hà V.T2 trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền 172.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2] Chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hà V.T1.

Buộc bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D trả lại cho ông Hà V.T1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CG383222 đứng tên ông Hà V.T1 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 7/4/2017.

[3] Về án phí*:*

Bà Nguyễn T.N chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn T.N và anh Hà V.T2 chịu 8.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T.T và ông Phạm N.D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm dân sự đã nộp là 11.800.000 đồng theo biên lai số 0021489 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án cho đương sự) .

Nơi nhận:
- *Như Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thúy Vũ